

Luyện tập: Tìm thành phần chưa biết của phép tính**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết giải toán về tìm thành phần chưa biết có sử dụng phép tính nhân, chia.
- Thực hành tìm thành phần chưa biết của phép chia.
- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY -HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- GV :Một số thẻ ghi các phép tính chia trong đó có một thành phần chưa biết.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho hs chơi trò chơi “Tìm số bí ẩn” - GV phát tám thẻ có các thành phần chưa biết. VD: $36 : \boxed{?} = 6$ $9 \times \boxed{?} = 81$ $72 : \boxed{?} = 8$ $45 : \boxed{?} = 9$	 - Nhóm trưởng lên nhận tám thẻ. - Cách chơi: HS tham gia chơi theo nhóm 4, rút một tám thẻ đã chuẩn bị, nêu số bí mật ẩn chứa sau dấu hỏi. HS nói cho bạn nghe về cách tìm số bí mật của mình. - HS chia sẻ cách tìm số bí mật trước lớp.

- Chia sẻ sau khi chơi: - Trò chơi củng cố cho các em kiến thức gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài	Để tìm thừa số chưa biết trong phép nhân là lấy tích chia cho thừa số đã biết. - Để tìm số chia lấy số bị chia chia cho thương. - Trò chơi củng cố về cách tìm thừa số chưa biết, số chia.
2. Luyện tập Bài 1. Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau (GV trình chiếu) a. $\square : 6 = 36$ b. $48 : \square = 6$ c. $\square : 3 = 321$ $\square : 5 = 10$ $159 : \square = 3$ $884 : \square = 4$ - GV yêu cầu HS nêu đề bài. - YC HS làm bài vào vở. - Giáo viên quan sát giúp đỡ hs còn lúng túng. - Chia sẻ bài trước lớp: - Nêu kết quả của từng phép tính - Muốn tìm số bị chia em làm như thế nào? - Trong phép tính chia hết muốn tìm số chia em làm thế nào? - Gv nhận xét, chốt kết quả đúng, tuyên dương Bài 2. Mẹ Hà muốn mua một số cây hoa cúc để trồng vào 3 luống, mỗi luống trồng được 150 cây. Tính số cây hoa cúc mẹ Hà cần mua? - Yêu cầu hs đọc đề toán. - Hướng dẫn hs phân tích bài toán: - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? - Bài toán thuộc dạng toán nào đã học hôm nay?	

1 HS đọc yêu cầu của đề bài. - Xác định yêu cầu của bài. - HS làm bài vào vở. -HS nêu theo ý hiểu. - Nhiều hs nêu: “Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia” - Nhiều hs nêu: “Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương” - HS nhầm thuộc quy tắc - Hs đọc đề bài, phân tích bài toán. - Hỏi đáp theo cặp đôi, bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? - Bài toán cho biết có 3 luống và mỗi luống có 150 cây. - Tính số cây hoa mẹ Hà cần lấy để trồng vào 3 luống. - Tìm số bị chia.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Biết tìm một thành phần chưa biết của các phép tính cộng, trừ, nhân, chia dựa vào các thành phần đã biết.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về tìm thành phần chưa biết của các phép tính cộng, trừ, nhân, chia để áp dụng vào thực tiễn.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng vào làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Bài giảng Power point.
- Bảng phụ bài 1, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: -GV cho 1 HS lên điều khiển + Câu 1: Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm thế nào? + Câu 2: Muốn tìm số trừ ta làm thế nào? + Câu 3: Muốn tìm số trừ ta làm thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV: Như vậy để các em nắm vững cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính cộng và trừ. Hôm nay cô tiếp tục hướng dẫn các em ôn lại dạng này qua tiết Luyện tập tìm thành phần chưa biết.	 - HS trả lời theo câu hỏi + Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết. + Muốn tìm Số trừ ta lấy Số bị trừ trừ đi hiệu. + Muốn tìm Số bị trừ ta lấy Hiệu cộng với Số trừ. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập :	

Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân) (GV treo bảng phụ)

a. $2134 + ? = 6\,927$ $? + 2871 = 6142$
b. $2838 - ? = 719$ $? - 1287 = 1282$
c. $? \times 3 = 3309$ $5 \times ? = 1870$
d. $? : 4 = 1209$ $5970 : ? = 5$

GV: Yêu cầu HS làm bài vào vở.

- Mời 1 HS nêu kết quả, cả lớp quan sát, nhận xét.
- + Làm thế nào để em tìm được kết quả của phép tính
- + GV nêu câu hỏi để HS nêu cách tìm thành phần chưa biết với phép tính còn lại ở bài 1.
- GV nhận xét chốt bài đúng, yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra bài bạn.
- Yêu cầu HS nhắc lại cách tìm thành phần chưa biết của các dạng phép tính ở bài 1.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 2: (GV trình chiếu)

Chu vi của một sân vận động hình chữ nhật là 500m. Chiều dài của sân là 150m. Tính chiều rộng của sân vận động?

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi.

- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán hỏi gì?
- Muốn tính được chiều rộng chúng ta làm qua mấy bước?

GV cho HS làm bài vào vở.

- Chấm nhận xét 1 số bài
 - Muốn tìm chiều dài, hoặc chiều rộng của hình chữ nhật khi biết chu vi thì ta làm thế nào?
- GVKL: Muốn tìm chiều dài, hoặc chiều rộng của hình chữ nhật khi biết chu vi ta tìm nửa chu vi sau đó lấy nửa chu vi trừ đi một chiều đã biết.*

Bài 3: (GV trình chiếu)

Hà nghĩ ra một số. Số đó là số liền sau của số nhỏ nhất có 4 chữ số. Thêm 999, sau đó gấp lên 4 lần, cuối cùng giảm đi 2 lần thì được số Hà nghĩ. Hỏi Hà đã nghĩ ra số nào?

- GV yêu cầu HS nêu đề bài.

- HS quan sát và làm bài vào vở.

- Đổi chéo bài bạn và KT chéo.

+ HS trả lời theo cách mình làm.

+ Nghe bạn nêu cách làm, nhận xét bài bạn.

+ HS khác nhận xét, bổ sung.

- Một số HS nhắc lại.

- 2 HS nêu đề bài, cả lớp đọc thầm.

-HS thảo luận theo cặp đôi.

- HS nêu cách tính:

- Bước 1: Tìm nửa chu vi.

Bước 2: Lấy nửa chu vi - chiều dài = chiều rộng

- 1HS chữa bài

- HS nêu

- 2HS đọc yêu cầu của bài, cả lớp đọc thầm.

- HS làm việc theo nhóm 4

-HS đặt câu hỏi cho nhau và tự trả lời.

Thảo luận cách làm, thực hiện vào bảng nhóm

- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày - GV gọi HS dưới lớp nhận xét bài của nhóm trình bày. - GV Nhận xét, tuyên dương	
3. Vận dụng.	
- Muốn kiểm tra lại kết quả của phép tính cộng đúng hay sai em cần thực hiện phép tính gì? - Muốn kiểm tra lại kết quả của phép tính nhân đúng hay sai em cần thực hiện phép tính gì? - Muốn tìm Số bị trừ ta làm thế nào? - Muốn tìm Số bị chia ta làm thế nào? - Muốn tìm số chia ta làm thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học, nhắc nhở HS - Về nhà các em tự lấy 2 phép tính tìm thành phần chưa biết sau đó thực hiện.	+ Em cần thử lại bằng phép tính trừ, ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết. + Em cần thử lại bằng phép tính chia, ta lấy tích chia cho thừa số đã biết. + Muốn tìm Số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ. - Muốn tìm Số bị chia ta lấy thương nhân với số chia. - Muốn tìm Số chia ta lấy Số bị chia chia cho thương.

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Diện tích một hình

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

-Biết diện tích như phần “bề mặt phẳng” của một đồ vật hay một đối tượng cụ thể đang “chiếm giữ” là diện tích một hình.

- Có biểu tượng về số đo diện tích thông qua việc đếm số ô vuông mà “diện tích” của một đồ vật hay một đối tượng cụ thể đang “chiếm giữ” (diện tích như là một số đo và đo bằng số ô vuông đơn vị).

- Thực hành xác định diện tích của một số đồ vật sử dụng đơn vị đo tự quy ước.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng vào làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

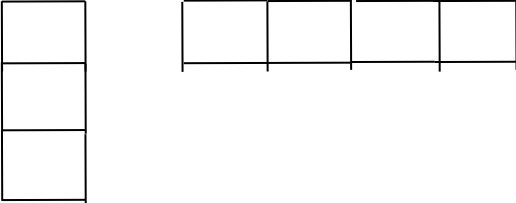
3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- Học liệu phục vụ cho tiết dạy như: một tờ giấy hình tròn, một tờ giấy hình chữ nhật, một số hình vuông bằng nhau có thể sử dụng để phủ lên bề mặt của bìa SGK Toán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: GV nêu câu hỏi + Em hiểu thế nào là diện tích của một hình? + Lấy VD về diện tích một bề mặt mà em biết? - GV yêu cầu HS quan sát, xoa tay vào bề mặt một số đồ vật khác và nói về các đồ vật đó. 2:Luyện tập:	- HS nói cho nhau nghe theo cặp đôi. - HS nêu diện tích của một hình là bề mặt của hình đó. + Bề mặt của bìa SGK Toán gọi là diện tích của bìa sách, bề mặt của bảng đen gọi là diện tích bảng đen, bề mặt bàn học gọi là diện tích mặt bàn..
<u>Bài 1. Diện tích mỗi hình sau gồm bao nhiêu ô vuông? (Làm việc theo cặp)</u> (GV trình chiếu) -Yêu cầu HS đếm số ô vuông có trên bề mặt của mỗi hình. 	- HS quan sát màn hình. - HS đếm số ô vuông và chia sẻ: - HS nhận xét, bổ sung.

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- *GV chốt: Muốn xác định diện tích của mỗi hình ta đếm số ô vuông trong mỗi hình.*

Bài 2. Xác định diện tích của đồ vật của nhóm mình đã chuẩn bị, so sánh diện tích các đồ vật đó với nhau.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- Cho HS các nhóm nêu các hình mà nhóm mình chuẩn hình rồi thực hiện các yêu cầu sau:

- GV cho HS xác định diện tích đồ vật của nhóm mình đã có.
- GV cho các nhóm báo cáo, chia sẻ với các bạn nhóm khác.

-GV nhận xét, tuyên dương.

- Thế nào là diện tích tích 1 hình?

- Nêu cách so sánh diện tích của các hình với nhau?

GV chốt: Diện tích của một hình là bề mặt của hình đó.

Để so sánh được diện tích của các hình với nhau ta có thể đặt hình này lên hình kia...

Bài 3: +Lấy một số hình vuông giống nhau có cạnh 1cm.

+Xếp các hình vuông đó phủ kín 1 cái bảng con .

+Đếm số hình vuông đã sử dụng.

- GV cho HS nêu yêu cầu.

- GV chia nhóm 6 và thực hiện các yêu cầu của bài tập.

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Chốt :Diện tích của một hình là bề mặt của hình đó.

- HS đọc yêu cầu.

- HS làm việc theo nhóm 4

- Đại diện các nhóm báo cáo đồ vật nhóm mình chuẩn bị được.

- Nói cho nhau nghe trong nhóm.

-Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp:

- HS nhận xét.

- HS nêu.

- HS khác nhận xét.

- HS nêu yêu cầu bài 3.

- Các nhóm làm việc.

- Đại diện các nhóm trình bày:
Diện tích bảng con

khoảnghình vuông.

-HS thực hành chia sẻ giữa các nhóm với nhau.

3. Vận dụng. - GV cho HS về xếp bề mặt một số hình em sưu tầm được bằng hình vuông có cạnh 1cm. - GV kiểm tra , nhận xét. -Nhận xét tiết học.	- HS thực hành xếp bề mặt một số hình nhóm mình sưu tầm được. - HS lắng nghe.
---	--

TOÁN(TĂNG)

Luyện tập: Đơn vị đo diện tích. Xăng - ti- mét vuông

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết Xăng-ti-mét vuông là một đơn vị đo diện tích; đọc, viết tên và kí hiệu của nó.
- Thực hiện được các phép tính với số đo kèm theo đơn vị đo là xăng-ti-mét vuông;
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học và giải quyết vấn đề: Chủ động tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học; tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái, chăm chỉ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ; tích cực suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II.ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bài giảng điện tử
- Bảng phụ bài 1

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động - GV: Gọi 1 HS lên điều khiển phần khởi động. + Xăng – ti – mét vuông là gì? Viết tắt là gì? + Viết bảng con: $45\text{ cm}^2, 78\text{ cm}^2$ - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS trả lời. - Là đơn vị đo diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm. Viết tắt là : cm^2

*Chốt .Xăng – ti – mét vuông là đơn vị đo diện tích của hình vuông có cạnh 1cm.
Xăng – ti – mét vuông viết tắt: cm^2*

2. Luyện tập.

Bài 1: Viết theo mẫu (GV treo bảng phụ)

Đọc	Viết
Bảy xăng - ti - mét vuông	7 cm^2
Tám mươi xăng - ti - mét vuông	
	105 cm^2
Một trăm xăng - ti – mét vuông	

- Mời đọc yêu cầu và phân tích đề

- Mời HS làm ra vở.

- GV cùng HS nhận xét.

** Chốt cách đọc, viết số đo diện tích theo xăng-ti-mét vuông.*

Bài 2: Tính (trình chiếu)

$$18\text{ cm}^2 + 25\text{ cm}^2 = \dots\text{ cm}^2$$

$$67\text{ cm}^2 + 48\text{ cm}^2 = \dots\text{ cm}^2$$

$$34\text{ cm}^2 : 2 = \dots\text{ cm}^2$$

$$50\text{ cm}^2 - 14\text{ cm}^2 = \dots\text{ cm}^2$$

$$4\text{ cm}^2 \times 8 = \dots\text{ cm}^2$$

- Gọi 1 em lên bảng làm.

- GV nhận xét chốt kết quả đúng.

- GV Chốt: *Thực hiện các phép tính bình thường như đối số tự nhiên sau đó viết đơn vị đo vào cuối.*

Bài 3: Tờ giấy thứ nhất có diện tích 765 cm^2 .

Tờ giấy thứ hai có diện tích nhỏ hơn tờ giấy thứ nhất 15 cm^2 . Tính diện tích tờ giấy thứ hai.

- HS dưới lớp viết bảng con.

- Lắng nghe, ghi nhớ.

- HS đọc đề.

- HS làm ra vở, 1 bạn lên bảng làm.

- Nhận xét.

- 1 HS đọc yêu cầu.

- 1 HS lên bảng làm.

- HS thực hành, làm bài vào vở.

- HS ở dưới lớp làm bài xong, chia sẻ với bạn bên cạnh cách làm.

- HS nhận xét, chữa bài.

- GV gọi HS đọc đề toán. - H/d phân tích bài toán: Bài toán hỏi gì ? Bài đã cho biết gì ? + Để tính diện tích tờ giấy thứ hai ta làm như thế nào? - Y/c HS tự làm bài rồi h/d chữa bài. - Mời HS nhận xét. - GV nhận xét. * <i>Chốt cách so sánh diện tích.</i> 3. Vận dụng <u>Bài 4:</u> Lấy 2 VD trong nhóm các phép tính nhân , chia với đơn vị đo diện tích đã học, thực hiện tính với các phép tính đó. - GV cho HS trình bày trước nhóm, lớp. - Em học được những gì qua bài học này? Về nhà tự viết năm số có hai chữ số với đơn vị đo xăng-ti- mét - vuông. - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- 1 HS đọc đề toán. -HS trả lời, hỏi đáp theo cặp đôi. + Ta lấy diện tích của tờ giấy thứ nhất trừ đi diện tích nhỏ hơn của tờ giấy 2. - HS làm bài trong vở; 1 em chữa bài - Nhận xét và nêu câu lời giải. - Lắng nghe. -HS trong nhóm lấy VD , thực hiện chia sẻ trong nhóm. - Chia sẻ trước lớp. - HS nêu. - Lắng nghe. - Nhận việc.
--	---

TUẦN 31

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Diện tích hình chữ nhật

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện tính được diện tích, chu vi hình chữ nhật khi biết độ dài các cạnh.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng vào làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bài giảng điện tử

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS																
1. Khởi động GV cho 1HS lên điều khiển. - Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật? - Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật? <i>*Chốt: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)</i> GV chốt chu vi hình chữ nhật HD2. Luyện tập Bài 1: Một hình chữ nhật có chiều dài là 20cm, chiều rộng 9cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó? - GV : gọi HS đọc yêu cầu và phân tích đề + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm thế nào? Nêu cách làm. - Yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét, tuyên dương. <i>*Chốt: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)</i> Bài 2: Tính và điền chu vi và diện tích HCN có kích thước sau vào bảng: (bảng phụ) <table><tr><td>C. dài</td><td>C.rộng</td><td>D.tích</td><td>Chu vi</td></tr><tr><td>23 cm</td><td>6 cm</td><td></td><td></td></tr><tr><td>18 cm</td><td>7 cm</td><td></td><td></td></tr><tr><td>25 cm</td><td>1 dm</td><td></td><td></td></tr></table> - GV gọi HS đọc yêu cầu. - GV cho HS Nêu độ dài các chiều ở từng trường hợp. - Y/c HS tự làm bài rồi h/d chữa; lưu ý các	C. dài	C.rộng	D.tích	Chu vi	23 cm	6 cm			18 cm	7 cm			25 cm	1 dm			- HS trao đổi lại trong nhóm đôi. - 1 vài HS nhắc lại. - Lắng nghe, ghi nhớ. - HS đọc đề bài. + Một hình chữ nhật có chiều dài là 20cm, chiều rộng 9cm + Tính diện tích hình chữ nhật đó. + Ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo) - HD cá nhân: Làm bài. - 1HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét bài làm của bạn. - 1 HS đọc; nêu yêu cầu của bài. - HS nêu. - HS tự tính trong vở; chia sẻ trong
C. dài	C.rộng	D.tích	Chu vi														
23 cm	6 cm																
18 cm	7 cm																
25 cm	1 dm																

em ghi cả phép tính và kết quả, chia sẻ trong nhóm đôi cách tính. - GV, HS nhận xét. <i>*Chốt: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)</i> - Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng(cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2. Bài 3: Một hình chữ nhật có chu vi là 42 cm, chiều rộng là 9 cm. Tính diện tích HCN đó. - GV gọi HS đọc đề toán. - H/d phân tích bài toán: Bài toán hỏi gì ? Bài đã cho biết gì ? + Để tính diện tích HCN đó ta cần biết gì ? - Y/c HS nêu các bước giải bài toán. - Y/c HS tự làm bài rồi h/d chữa bài. - Mời HS nhận xét. - GV nhận xét. <i>GV chốt: Cách tính diện tích HCN khi biết chu vi và chiều dài(chiều rộng)</i> <i>B 1: Tính nửa chu vi</i> <i>B2: Tính chiều dài của HCN.(chiều rộng)</i> <i>+ Tính diện tích của HCN</i> 3. Vận dụng GV cho HS hoạt động nhóm 4 Bài 4: Vẽ 1 hình chữ nhật, sau đó đo và tính chu vi diện tích hình chữ nhật nhóm em vừa vẽ? - Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật - GV cho HS làm việc trong nhóm. - Gọi đại diện các nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	nhóm đôi cách tính -1 HS chữa bài trên bảng lớp. - Nhận xét. - Ghi nhớ. - 1 HS đọc đề toán. - HS nêu + Ta cần biết chiều dài và chiều rộng. - HS nêu bước giải: 3 bước: + Tính nửa chu vi + Tính chiều dài của HCN. + Tính diện tích của HCN - HS làm bài trong vở, chia sẻ trong cặp đôi cách làm bài, đổi vở kiểm tra - 1 em chữa bài - HS: Nhận xét và nêu câu lời giải, cách giải khác cho bài toán. - Lắng nghe. HS nhắc lại - HS nêu yêu cầu của bài. - HS làm việc trong nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe. - Nhận việc.
--	---

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Tính diện tích hình vuông

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách tính diện tích hình vuông, cạnh hình vuông...
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng tốt làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Bài giảng điện tử

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động - Gọi HS nêu cách tính diện tích hình vuông. <i>*Chốt: Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.</i> HD2. Luyện tập. <u>Bài 1:</u> Một hình vuông có cạnh là 9 cm. Tính diện tích hình vuông đó. - GV: gọi HS đọc yêu cầu câu bài. Thảo luận theo cặp đôi các câu hỏi: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Muốn tính diện tích hình vuông đó ta làm thế nào? Nêu cách tính? - Yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét, tuyên dương. <i>*Chốt: Cùng cố cách tính diện tích hình vuông. (Ta lấy độ dài một cạnh nhân với</i>	 - HS trao đổi lại trong nhóm đôi. - 1 vài HS nhắc lại. - Lắng nghe, ghi nhớ. -HS đọc đề bài. - HS luận theo cặp đôi . + Một hình vuông có cạnh là 9cm + Tính diện tích hình vuông đó. + Ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó. - HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng làm bài. - HS dưới lớp nhận xét, chữa bài.

chính nó.)

Bài 2: Tính diện tích hình vuông biết hình đó có chu vi là 24 cm.

- Hướng dẫn HS đọc và phân tích đề toán.
- + Để tính được diện tích hình vuông này, cần phải có điều kiện gì?
- + Nêu cách tìm độ dài cạnh hình vuông ?

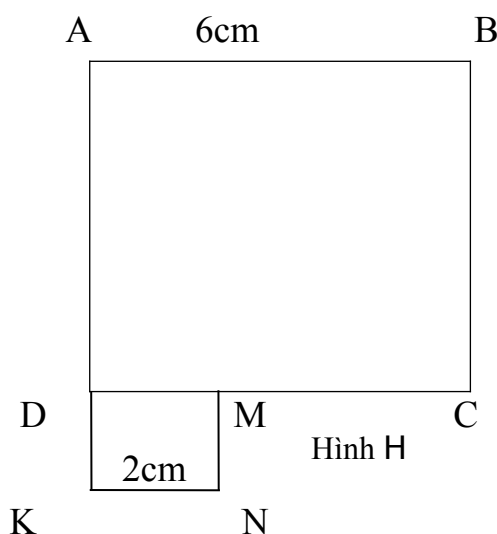
- Cho HS làm bài rồi hướng dẫn chữa bài.
- GV chữa bài, nhận xét.

* Chốt: *Tính diện tích hình vuông khi biết chu vi:*

B1: Tính cạnh hình vuông = Chu vi : 4

B2: Tính diện tích HV = cạnh x cạnh

Bài 3: Hình H được tạo bởi 2 hình vuông ABCD và DMNK. Tính diện tích hình H với số đo như hình vẽ?



GV cho HS thảo luận cặp đôi, bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì ?

- Muốn tính được diện tích hình H ta phải biết gì?

- GV gọi 1 HS chữa bài.
- Cho HS chia sẻ cách làm.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 2 HS đọc đề.
- HS nêu, cần phải biết độ dài cạnh
- HS nêu lấy chu vi chia 4
- HS tự làm trong vở, chia sẻ cách làm trong cặp đôi.
- 1 HS chữa bài trên bảng

- HS đọc đề bài và phân tích bài toán để tìm ra cách giải

- HS thảo luận cặp đôi, bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì ?
- Muốn tính được diện tích hình H ta phải tính được diện tích hình vuông ABCD, diện tích hình vuông DMNK
- 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét.

GV chốt cách giải bài toán có nội dung hình học liên quan đến tính diện tích 2 hình vuông. B1: Tính diện tích hình 1 B2: Tính diện tích hình 2 B3: Tính tổng diện tích 2 hình. 3. Vận dụng Bài 4: Lập một đề toán về tính chu vi và diện tích hình vuông với cạnh là cm. - Nêu cách tính diện tích hình vuông - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS - Dặn HS về nhà đo một số đồ vật có dạng hình vuông nhỏ rồi tính diện tích hình đó	- Dưới lớp làm bài vào vở, chia sẻ cách làm bài với bạn. - HS đọc yêu cầu. - Lập đề toán theo yêu cầu. - HS làm bài vào vở. - HS nêu. - Lắng nghe.
--	---

TOÁN(TĂNG)

Luyện tập: Tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông.
- Học thuộc quy tắc tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng tốt làm bài.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II.ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bài giảng điện tử

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động - Gọi HS nêu cách tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật.	- HS trao đổi lại trong nhóm đôi. - 1 vài HS nhắc lại.

**Chốt: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).*

Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

2. Luyện tập

Bài 1: Cho hình chữ nhật có chiều dài 48

cm. Chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

- GV gọi HS đọc đề toán.

+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?

+ Muốn tính diện tích hình chữ nhật đó ta cần biết gì?

- Yêu cầu HS nêu các bước giải bài toán.

- Yêu cầu HS tự làm bài.

- H/d chữa bài trên bảng lớp.

**Củng cố cách tìm một trong những phần bằng nhau của một số và giải toán liên quan đến diện tích HCN.*

Bài 2: Tính diện tích hình vuông biết hình đó có chu vi là 36 cm.

- Hướng dẫn HS đọc và phân tích đề toán.

+ Để tính được diện tích HV này, cần phải có điều kiện gì?

+ Nêu cách tìm độ dài cạnh hình vuông ?

- Cho HS làm bài rồi hướng dẫn chữa bài.

- GV chữa bài, nhận xét.

GV chốt: Tính diện tích hình vuông khi biết chu vi:

B1: Tính cạnh hình vuông= Chu vi: 4

B2: Tính diện tích HV = cạnh x cạnh

Bài 3: Tính diện tích của một miếng bìa hình chữ nhật, biết rằng nếu giảm chiều dài

- Lắng nghe, ghi nhớ.

-HS: Đọc yêu cầu của bài.

- HS thảo luận theo cặp đôi.

+ Ta cần biết chiều dài bằng bao nhiêu, chiều rộng bao nhiêu.

- HS nêu các bước giải bài toán.

- Học sinh làm bài vào vở.

- Chữa bài, nhận xét.

Bài giải

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$48: 4 = 12 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật đó là:

$$48 \times 12 = 576 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 576\text{cm}^2$$

- HS đọc đề

Ta cần phải biết độ dài cạnh hình vuông.

+...lấy chu vi chia 4

- HS tự làm trong vở

- 1 HS chữa bài trên bảng

6 cm và giữ nguyên chiều rộng thì được miếng bìa hình vuông và diện tích miếng bìa giảm đi 48 cm^2. - GV hướng dẫn HS cách giải: +Vẽ hình +Tìm chiều dài của miếng bìa giảm đi chính là chiều rộng của miếng bìa hình chữ nhật ban đầu. +Tìm chiều dài miếng bìa hình chữ nhật +Tính diện tích miếng bìa. - GV nhận xét, chữa bài. <i>=> Chốt cách giải bài toán giảm chiều dài, giữ nguyên chiều rộng dựa vào diện tích giảm đi.</i> 3. Vận dụng: Bài 4: Vẽ một hình vuông có cạnh 4cm, tính chu vi, diện tích hình vuông đó? - GV cho HS làm bài. - Nhận xét bài làm của HS - Nêu cách tính chu vi, diện tích hình vuông. - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- HS đọc kĩ đề bài - xác định yêu cầu - HS làm bài vào vở: <u>Bài giải</u> Chiều rộng miếng bìa hình chữ nhật là: $48 : 6 = 8 \text{ (cm)}$ Chiều dài của miếng bìa hình chữ nhật là: $8 + 6 = 14 \text{ (cm)}$ Diện tích miếng bìa hình chữ nhật là: $14 \times 8 = 112 \text{ (cm}^2\text{)}$ Đáp số: 112 cm^2 - HS nêu yêu cầu của đề bài. - HS thực hành vẽ, tính diện tích, chu vi. - Lắng nghe. - Nhận việc.
---	---

TUẦN 32

TOÁN(TĂNG)

Luyện tập: Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Vận dụng thu thập, phân loại, kiểm đếm và ghi lại kết quả trong một số tình huống thực tiễn.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

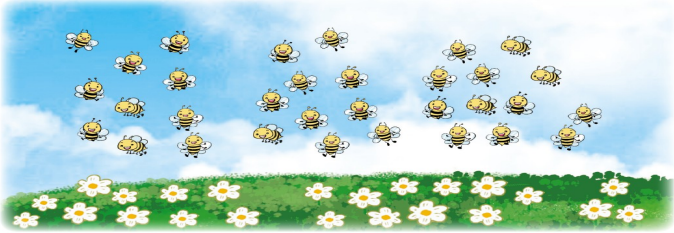
3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Bài giảng điện tử

III. HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động - GV đưa ra những câu đố nhanh, ví dụ biểu diễn số 20 thì cần ghi như thế nào? - GV chốt: <i>Cách sử dụng công cụ kiểm đếm .</i>	- HS trao đổi lại trong nhóm đôi - 1 vài HS nhắc lại. - Lắng nghe.
2. Luyện tập.(GV trình chiếu) <u>Bài 1:</u> - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Làm việc chung cả lớp. Kiểm đếm số bông hoa , có bao nhiêu con ong trong bức tranh sau:  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét tuyên dương. GV chốt: <i>Đó chính là thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê</i>	- HS đọc đề bài câu a. - HS quan sát và nêu tên các con thú nhồi bông có trong tranh.
<u>Bài 2:</u> Quan sát bức tranh sau : a. Ngày đầu trải nghiệm chú voi xách được bao nhiêu xô nước? b, Ngày thứ ba xách nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu xô nước? c, Cả ba ngày chú voi xách được tất cả bao nhiêu xô nước?	- HS nêu kết quả, bạn khác nhận xét, bổ sung. - HS nêu yêu cầu bài.



- GV chia nhóm 4, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau

- GV chốt lại, nhấn mạnh các thông tin liên quan đến cách thu thập.

Bài 3: Quan sát biểu đồ sau và trả lời các câu hỏi?

Số bàn tay có được trong 4 ngày

Ngày thứ nhất	□□□
Ngày thứ hai	□□□□
Ngày thứ ba	□□□□□□
Ngày thứ tư	□□□□□□□□
Mỗi kí hiệu □ biểu thị 5 ngón tay	

- Có bao nhiêu ngón tay trong ngày thứ ba?
- Ngày nào có được 35 ngón tay
- Ngày thứ ba nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu ngón tay?
- Cả bốn ngày có bao nhiêu ngón tay?

- GV chia nhóm 4, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- Các nhóm làm việc vào phiếu học tập.
- Đại diện các nhóm trình bày:
 - Ngày đầu trải nghiệm chú voi xách được 2 xô nước.
 - Ngày thứ ba xách nhiều hơn ngày thứ nhất 2 xô nước
 - Cả 3 ngày chú voi xách được tất cả 12 xô nước.

- 1 HS đọc đề toán.
- Hỏi đáp trong cặp đôi về yêu cầu của đề bài.

- Các nhóm làm việc vào phiếu học tập.
- Đại diện các nhóm trình bày:
 - 30 ngón tay
 - Ngày thứ tư.
 - Ngày thứ ba nhiều hơn ngày thứ nhất 10 ngón tay.
 - Cả 4 ngày có 100 ngón tay.
- + Số ngón tay trong 4 ngày.
- + Ngày thứ nhất, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư.
- + Mỗi kí hiệu tượng trưng cho 5 ngón tay

+ Tên biểu đồ cho biết biểu đồ thông kê về điều gì ? + Các ngày cần thống kê là? + Mỗi kí hiệu tượng trưng cho ngón tay? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chốt lại, nhấn mạnh các thông tin liên quan đến biểu đồ: 3. Vận dụng: Bài 4: Đếm số lượng bàn, ghế có trong lớp, số cốc uống nước... - củng cố lại cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê. - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS - Về nhà đếm số đồ vật có trong nhà, sau đó ghi vào vở tự học - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- HS lắng nghe và ghi nhớ. - HS đếm ghi vào vở nhóm.
---	---

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Bảng số liệu thống kê

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.
- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.
- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu thống kê.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng vào làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bài giảng điện tử

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

1. Khởi động

GV tổ chức cho HS tham gia một trò chơi liên quan đến việc thống kê số lượng.

- GV hướng dẫn HS cách chơi, luật chơi.
- HS lập số liệu thống kê vào bảng nhóm, trong thời gian 2 phút.

VD: Lớp 3A có 35 bạn, có 5 bạn thích hát, 9 bạn thích vẽ, 10 bạn thích thể thao, còn lại là số bạn thích múa.

- Yêu cầu HS lập bảng thống kê xem có bao nhiêu bạn thích hát, bạn thích vẽ, bạn thích thể thao, bạn thích múa.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2: Luyện tập.

Bài 1: Quan sát bảng số liệu thống kê.

Số bông hoa của hàng nhập về

Loại hoa	Hoa hồng	Hoa lan	Hoa cúc	Hoa sen
Số lượng bó	6	3	4	8

- GV cho HS quan sát số liệu thống kê và mô tả những thông tin trên bảng đó.

- Tổ chức cho HS hoạt động theo cặp, đặt và trả lời câu hỏi liên quan đến bảng số liệu thống kê cho trong bài tập.

- GV nhấn mạnh các thông tin liên quan đến bảng số liệu thống kê:

+ Tên bảng cho biết đối tượng thống kê là.

+ Tiêu chí thống kê là.

+ Nhìn vào ô bất kì ta biết thông tin liên quan đến ô đó?

- GV nhận xét, tuyên dương.

b) Đọc bảng cho trong câu a và trả lời các câu hỏi:

- GV tổ chức cho HS hỏi đáp theo yêu cầu bài.
- Cửa hàng đã nhập về bao nhiêu bó Hoa cúc?- Bó hoa loại nào được cửa hàng nhập về nhiều nhất? Bó hoa loại nào được cửa hàng nhập về ít nhất?
- Cửa hàng đã nhập về tất cả bao nhiêu bó hoa?

- 1 HS đọc yêu cầu.

- HS lập số liệu thống kê ra, sau đó đại diện nhóm mình lên trình bày.

- HS quan sát và thực hiện theo yêu cầu của GV.

- HS trả lời tham gia hỏi đáp về các câu hỏi.

+ Số bó hoa mà một cửa hàng đã nhập về.

+ Số lượng của mỗi loại hoa : Hoa hồng, Hoa lan, Hoa cúc , Hoa sen.

+ VD: số lượng bó Hoa cúc của hàng đã nhập về là 4 bó.

- HS đọc yêu cầu b.

- HS tham gia hỏi đáp (1 HS hỏi, 1 HS trả lời).

+ Cửa hàng đã nhập về 4 bó hoa Cúc.

+ Hoa Sen nhập về nhiều nhất. Hoa lan nhập về ít nhất.

- GV nhận xét, kết luận kiến thức bài.
- *Chốt: GV chốt cách đọc, trả lời trong bảng thống kê, đối chiếu*

Bài 2: Đây là bảng thống kê số học sinh xuất sắc của các lớp 3 ở trường tiểu học:

Lớp	3A	3B	3C	3D
Số hs giỏi	23	17	25	28

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập.
- Yêu cầu học sinh dựa vào bảng thống kê số học sinh giỏi của các lớp ba để trả lời các câu hỏi. Dựa vào bảng trên hãy trả lời câu hỏi sau?
- a, Lớp 3B có bao nhiêu HS xuất sắc? Lớp 3D có bao nhiêu HS xuất sắc?
- b, Lớp 3C có nhiều hơn lớp 3A bao nhiêu HS xuất sắc?
- c, Lớp nào nhiều HS xuất sắc nhất? Lớp nào ít HS xuất sắc nhất?
- GV mở rộng thêm 1 số câu hỏi khác theo nội dung bảng thống kê.
- *GV chốt cách đọc số liệu và phân tích số liệu*

Bài 3: Quan sát bảng số liệu thống kê.

Số đo chiều cao của học sinh

Tên	Nga	Lan	Chi	Tú
Chiều cao	123cm	140cm	139cm	130cm

Đọc bảng trên và trả lời các câu hỏi:

- Chiều cao của bạn Lan là bao nhiêu xăng-ti-mét?
- Trong bốn bạn trên, bạn nào cao nhất, bạn nào thấp nhất?
- Bạn cao nhất cao hơn bạn thấp nhất bao nhiêu xăng-ti-mét?
- Bạn nào cao hơn bạn Chi và thấp hơn bạn Tú?
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào PHT.

- + Cửa hàng đã nhập về tất cả 21 bó hoa.
- + HS khác nhận xét, bổ sung.
- HS nêu yêu cầu bài tập.
- Học sinh làm cá nhân.
- Tìm hiểu yêu cầu của bài.
- HS hỏi đáp theo cặp đôi.
- Hai học sinh lên bảng đối thoại với nhau tương ứng với nội dung trong bảng.
- HS nhận xét.
- HS đọc đề bài.
- HS làm bài vào PHT.
- 1 vài HS nêu bài làm:
- + Chiều cao của Bình là 140 cm.
- + Bạn cao nhất là Lan , bạn thấp nhất là Nga.
- + Bạn cao nhất cao hơn bạn thấp nhất 17 cm.

- GV liên hệ thực tế lớp học hỏi thêm HS một số câu hỏi. - GV chốt lại, gợi ý giúp HS nói ý nghĩa của việc sử dụng bảng thống kê trong cuộc sống. - Giúp mọi người nhanh chóng so sánh, đối chiếu, nhận ra quan hệ của các số liệu... 3. Vận dụng. Bài 4: Lập bảng thống kê 6 bạn trong nhóm mình về cân nặng và cho biết. a, Ai có số cân nặng nhiều nhất? b, Ai có số cân nặng ít nhất? - GV cho HS làm việc theo nhóm. - GV nhận xét. - Nêu tác dụng của bảng thống kê số liệu? - Nhận xét giờ học. Dặn HS về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau.	+ Bạn cao hơn bạn Chi và thấp hơn bạn Tú là bạn Lan và Nga. - HS theo dõi trả lời. - HS lắng nghe. - HS làm việc theo nhóm 6. - Đại diện các nhóm báo cáo.
--	---

TOÁN

Luyện tập: Khả năng xảy ra của một sự kiện

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Biết được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (một lần) thí nghiệm đơn giản.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng vào làm các bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Bài giảng điện tử

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

1. Khởi động:

- GV cho HS kể về những hành động ngẫu nhiên trong cuộc sống và các khả năng xảy ra của hành động đó. Ví dụ, trong bóng đá, trước khi đá để quyết định đội nào có bóng trước, trọng tài đã cho hai đội rút thẻ. Hành động rút ngẫu nhiên một thẻ như vậy có 2 khả năng xảy ra.
- GV chốt và tuyên dương.

2. Luyện tập

Bài 1: Có 2 quả bóng, một quả màu xanh, một quả màu đỏ. Để đằng sau lưng, mời một bạn đoán xem tay trái là quả bóng màu xanh hay màu đỏ. Hỏi có những khả năng nào xảy ra ở tay trái khi mang quả bóng đó?

- HS quan sát hai quả bóng, xác định xem quả bóng màu nào ở tay trái?
- HS thực hiện theo nhóm
- GV chốt, nhấn mạnh 2 khả năng có thể xảy ra.
 - + *Có thể quả bóng lấy ra là màu xanh.*
 - + *Có thể quả bóng lấy ra là màu đỏ.*

Bài 2. Một hộp đựng một số trái tim có hai màu: màu trắng và màu đỏ, Trang lấy ra ngẫu nhiên một trái tim và chỉ lấy một lần. Trang có thể lấy được trái tim màu gì?

- Quan sát hộp đựng các trái tim nói cho bạn nghe về những khả năng xảy ra đối với màu của trái tim được lấy trong hộp đó.
- GV chốt: *có 2 khả năng xảy ra đối với màu của ngôi sao lấy được. Đó là màu đỏ, màu vàng.*

Bài 3:

Câu nào đúng, câu nào sai?

Trong hộp có ba thẻ 2, 3, 4. Không nhìn

HD: Nhóm đôi, lấy ví dụ cùng chia sẻ những hành động ngẫu nhiên gặp trong cuộc sống.

- HS quan sát t, thảo luận 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời.
- Các nhóm báo cáo kết quả: Những khả năng về màu sắc của quả bóng được lấy ra ở tay trái:
 - + Có thể quả bóng lấy ra là màu xanh.
 - + Có thể quả bóng lấy ra là màu đỏ.

- HS đọc yêu cầu của bài.

- HS thực hiện và nêu có 2 khả năng xảy ra là Trang có thể lấy được trái tim màu đỏ hoặc trái tim màu vàng.

- 2-3 HS đọc yêu cầu của bài

vào hộp, lấy ra một thẻ. a) Có thể lấy được thẻ mang số 3. b) Chắc chắn lấy được thẻ mang số bé hơn 4. c) Không thể lấy được thẻ mang số 1. GV hướng dẫn: Xác định các câu đúng, câu sai dựa vào các khả năng xảy ra khi lấy 1 trong 3 thẻ số. - GV cho HS làm việc theo cặp đôi. - Đại diện các cặp báo cáo trước lớp. GV chốt: <i>Các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (một lần) thí nghiệm đơn giản.</i> 3. Vận dụng: Bài 4: Với số quả bóng đỏ, xanh, vàng, không nhìn vào hộp, lấy ra một quả bóng. Hãy nói các khả năng xảy ra về màu của quả bóng được lấy (dùng các từ <i>có thể, chắc chắn, không thể</i>). Bài học hôm nay các em đã được học gì? + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe. - HS làm việc theo cặp đôi. - Đại diện các cặp báo cáo trước lớp. a) Có thể lấy được thẻ mang số 3. Đúng b) Chắc chắn lấy được thẻ mang số bé hơn 4. Sai vì trong hộp có cả thẻ mang số 4. c) Không thể lấy được thẻ mang số 1. Đúng vì không có thẻ số 1 - HS làm việc theo nhóm 4 Quả bóng lấy ra có thể màu vàng. - Quả bóng lấy ra có thể màu đỏ. - Quả bóng lấy ra có thể màu xanh. - Quả bóng lấy ra không thể màu trắng.
--	---